**BẢNG 1: MA TRẬN + ĐẶC TẢ MỨC ĐỘ ĐÁNH GIÁ TỔNG THỂ CUỐI HK 2 MÔN TOÁN-LỚP 6**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **TT**  **(1)** | **Chương/**  **Chủ đề**  **(2)** | **Nội dung/Đơn vị kiến thức**  **(3)** | **Mức độ đánh giá tổng thể**  **(4)** | **Số câu hỏi theo mức độ nhận thức** | | | | | | | | **Tổng % điểm**  **(13)** |
| **Nhận biết** | | **Thông hiểu** | | **Vận dụng** | | **Vận dụng cao** | |
| **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** | **TN**  **KQ** | **TL** |
| **1** | **Phân số** | *Phân số. Tính chất cơ bản của phân số. So sánh phân số* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được phân số với tử số hoặc mẫu số là số nguyên âm.  – Nhận biết được khái niệm hai phân số bằng nhau và nhận biết được quy tắc bằng nhau của hai phân số **Câu 1-TN**  – Nêu được hai tính chất cơ bản của phân số.  – Nhận biết được số đối của một phân số  **Câu 1-TL.**  – Nhận biết được hỗn số dương. | **TN1** | **TL1** |  |  |  |  |  |  | **7,5** |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai phân số cho trước **Câu 2-TL**. |  |  |  | **TL2** |  |  |  |  | **5** |
| *Các phép tính với phân số* | ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với phân số **Câu 5-TL**; **Câu 6b - TL**.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với phân số trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Tính được giá trị phân số của một số cho trước và tính được một số biết giá trị phân số của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số (ví dụ: các bài toán liên quan đến chuyển động trong Vật lí,...). |  |  |  |  |  | **TL5, TL6b** |  |  | **10** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về phân số Câu **9- TL.** |  |  |  |  |  |  |  | **TL9** | **10** |
| 2 | **Số thập phân** | *Số thập phân và các phép tính với số thập phân. Tỉ số và tỉ số phần trăm* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được số thập phân âm, số đối của một số thập phân. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – So sánh được hai số thập phân cho trước  **Câu 2-TN, Câu 3-TL**. |  |  | **TN2** | **TL3** |  |  |  |  | **7,5** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được các phép tính cộng, trừ, nhân, chia với số thập phân  **Câu 4-TN, Câu 6a- TL**.  – Vận dụng được các tính chất giao hoán, kết hợp, phân phối của phép nhân đối với phép cộng, quy tắc dấu ngoặc với số thập phân trong tính toán (tính viết và tính nhẩm, tính nhanh một cách hợp lí).  – Thực hiện được ước lượng và làm tròn số thập phân **Câu 3- TN**.  – Tính được tỉ số và tỉ số phần trăm của hai đại lượng.  – Tính được giá trị phần trăm của một số cho trước, tính được một số biết giá trị phần trăm của số đó.  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(đơn giản, quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm (ví dụ: các bài toán liên quan đến lãi suất tín dụng, liên quan đến thành phần các chất trong Hoá học,...). |  |  |  |  | **TN3, TN4** | **TL6a** |  |  | **10** |
| ***Vận dụng cao:***  – Giải quyết được một số vấn đề thực tiễn ***(phức hợp, không quen thuộc)*** gắn với các phép tính về số thập phân, tỉ số và tỉ số phần trăm. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| 3 | **Các hình hình học cơ bản** | *Điểm, đường thẳng, tia* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được những quan hệ cơ bản giữa điểm **Câu 5-TN,** đường thẳng: điểm thuộc đường thẳng, điểm không thuộc đường thẳng; tiên đề về đường thẳng đi qua hai điểm phân biệt.  – Nhận biết được khái niệm hai đường thẳng cắt nhau, song song.  – Nhận biết được khái niệm ba điểm thẳng hàng, ba điểm không thẳng hàng.  – Nhận biết được khái niệm điểm nằm giữa hai điểm.  – Nhận biết được khái niệm tia. | **TN5** |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| *Đoạn thẳng. Độ dài đoạn thẳng* | ***Nhận biết:***  –Nhận biết được khái niệm đoạn thẳng, trung điểm của đoạn thẳng, độ dài đoạn thẳng **Câu6-TN.** | **TN6** |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| *Góc. Các góc đặc biệt. Số đo góc* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được khái niệm góc, điểm trong của góc (không đề cập đến góc lõm)  **Câu 4-TL.**  – Nhận biết được các góc đặc biệt (góc vuông, góc nhọn, góc tù, góc bẹt) **Câu 7\_TN.**  – Nhận biết được khái niệm số đo góc. | **TN7** | **TL4** |  |  |  |  |  |  | **7,5** |
| 4 | **Thu thập và tổ chức dữ liệu** | *Thu thập, phân loại, biểu diễn dữ liệu theo các tiêu chí cho trước* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được tính hợp lí của dữ liệu theo các tiêu chí đơn giản  **Câu 8- TL.** |  | **TL8** |  |  |  |  |  |  | **5** |
| ***Vận dụng:***  – Thực hiện được việc thu thập, phân loại dữ liệu theo các tiêu chí cho trước từ những nguồn: bảng biểu, kiến thức trong các môn học khác.  **Câu 8 - TN** |  |  |  |  | **TN8** |  |  |  | **2,5** |
| *Mô tả và biểu diễn dữ liệu trên các bảng, biểu đồ* | ***Nhận biết:***  – Đọc được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Mô tả được các dữ liệu ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  **( Câu 9, Câu 7a-TL)** |  |  | **TN9** | **TL7a** |  |  |  |  | **12,5** |
| ***Vận dụng:***  – Lựa chọn và biểu diễn được dữ liệu vào bảng, biểu đồ thích hợp ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| **Phân tích và xử lí dữ liệu** | *Hình thành và giải quyết vấn đề đơn giản xuất hiện từ các số liệu và biểu đồ thống kê đã có* | ***Nhận biết:***  – Nhận biết được mối liên quan giữa thống kê với những kiến thức trong các môn học trong Chương trình lớp 6 (ví dụ: Lịch sử và Địa lí lớp 6, Khoa học tự nhiên lớp 6,...) và trong thực tiễn (ví dụ: khí hậu, giá cả thị trường,...).  **(Câu10 -TN)** | **TN10** |  |  |  |  |  |  |  | **2,5** |
| ***Thông hiểu:***  – Nhận ra được vấn đề hoặc quy luật đơn giản dựa trên phân tích các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*). **(Câu11-TN).** |  |  | **TN11** |  |  |  |  |  | **2,5** |
|  | ***Vận dụng:***  – Giải quyết được những vấn đề đơn giản liên quan đến các số liệu thu được ở dạng: bảng thống kê; biểu đồ tranh; biểu đồ dạng cột/cột kép (*column chart*).  **Câu 7b-TL** |  |  |  |  |  | **TL7b** |  |  | **10** |
| 5 | **Một số yếu tố xác suất** | *Làm quen với một số mô hình xác suất đơn giản. Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | ***Nhận biết:***  –Làm quen với mô hình xác suấttrong một số trò chơi, thí nghiệm đơn giản (ví dụ: ở trò chơi tung đồng xu thì mô hình xác suất gồm hai khả năng ứng với mặt xuất hiện của đồng xu, ...). |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| ***Thông hiểu:***  – Làm quen với việc mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản. **Câu 12-TN** |  |  | **TN12** |  |  |  |  |  | **2,5** |
| *Mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần của một sự kiện trong một số mô hình xác suất đơn giản* | ***Vận dụng:***  – Sử dụng được phân số để mô tả xác suất (thực nghiệm) của khả năng xảy ra nhiều lần thông qua kiểm đếm số lần lặp lại của khả năng đó trong một số mô hình xác suất đơn giản. |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| Tỉ lệ % | | |  | **27,5%** | | **30%** | | **32,5%** | | **10%** | | **100%** |
| Tỉ lệ chung | | |  | **57,5%** | | | | **42,5%** | | | | **100%** |

**PHẦN 1: TRẮC NGHIỆM ( 3 ĐIỂM)**

**Câu 1:** Phân số nào sau đây bằng phân số ?

**A.** . **B.** . **C.** . **D.**

**Câu 2:** Khẳng định nào sau đây là đúng?

**A.** . **B.** .

**C.** . **D.** .

**Câu 3:** Làm tròn số thập phân 81,24135 đến hàng phần trăm ta được số:

**A. 81**. **B.** 81,25. **C.** 81,24. **D.** 81,241.

**Câu 4:** Kết quả của phép tính (– 5,6 + 55,6) : (1,2 – 0,8) là:

A. -125 B. -152 C. 125 D. 152

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**Câu 5:** Cho tia Mx lấy điểm A điểm B thuộc tia Mx sao cho MA = 3cm, MB = 5cm. Kết luận nào sau đây đúng:

A. Điểm M nằm giữa điểm A và điểm B

B. Điểm B nằm giữa điểm A và điểm M

C. Điểm A nằm giữa điểm M và điểm B

D. Trong ba điểm A, M, B không có điểm nào nằm giữa.

**Câu 6:** Cho hai điểm A và B thuộc tia Ot và OA = 4cm, OB = 8cm thì:

A. A là trung điểm của đoạn thẳng OB

B. O là trung điểm của đoạn thẳng AB

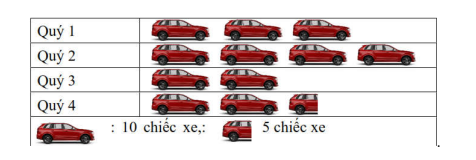
C. B là trung điểm của đoạn thẳng OA

D. Không có đoạn thẳng nào có trung điểm

**Câu 7:** Góc bẹt là góc có hai cạnh là hai tia…

**A.** chung gốc **B.** phân biệt **C.** đối nhau **D.** trùng nhau

**Câu 8:** Một cửa hàng bán ô tô thống kê số lượng ô tô bán được trong bốn quý năm 2021 được kêt quả như sau:



Tổng số xe bán được trong 4 quý là:

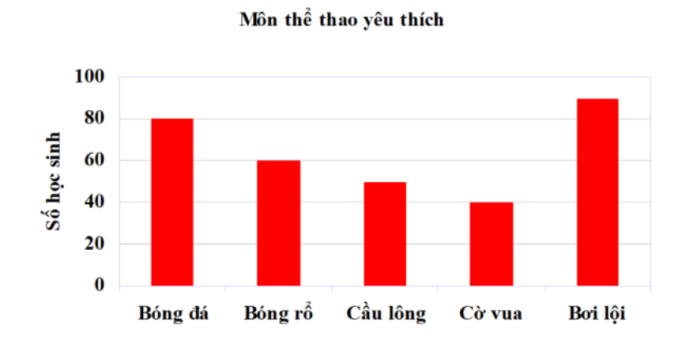
A. 11 chiếc B. 115 chiếc C. 110 chiếc D. 12 chiếc

|  |  |
| --- | --- |
|  |  |
|  |  |

**Câu 9**: Số xe bán được nhiều nhất trong một quý là

1. 20 B. 30 C. 40 D. 50

***Sử dụng dữ liệu sau đây để làm câu 10,11***



Biểu đồ sau đây cho biết môn thể thao yêu thích nhất của các bạn học sinh khối 6 một trường THCS.

**Câu 10:** Môn thể thao được yêu thích nhất là:

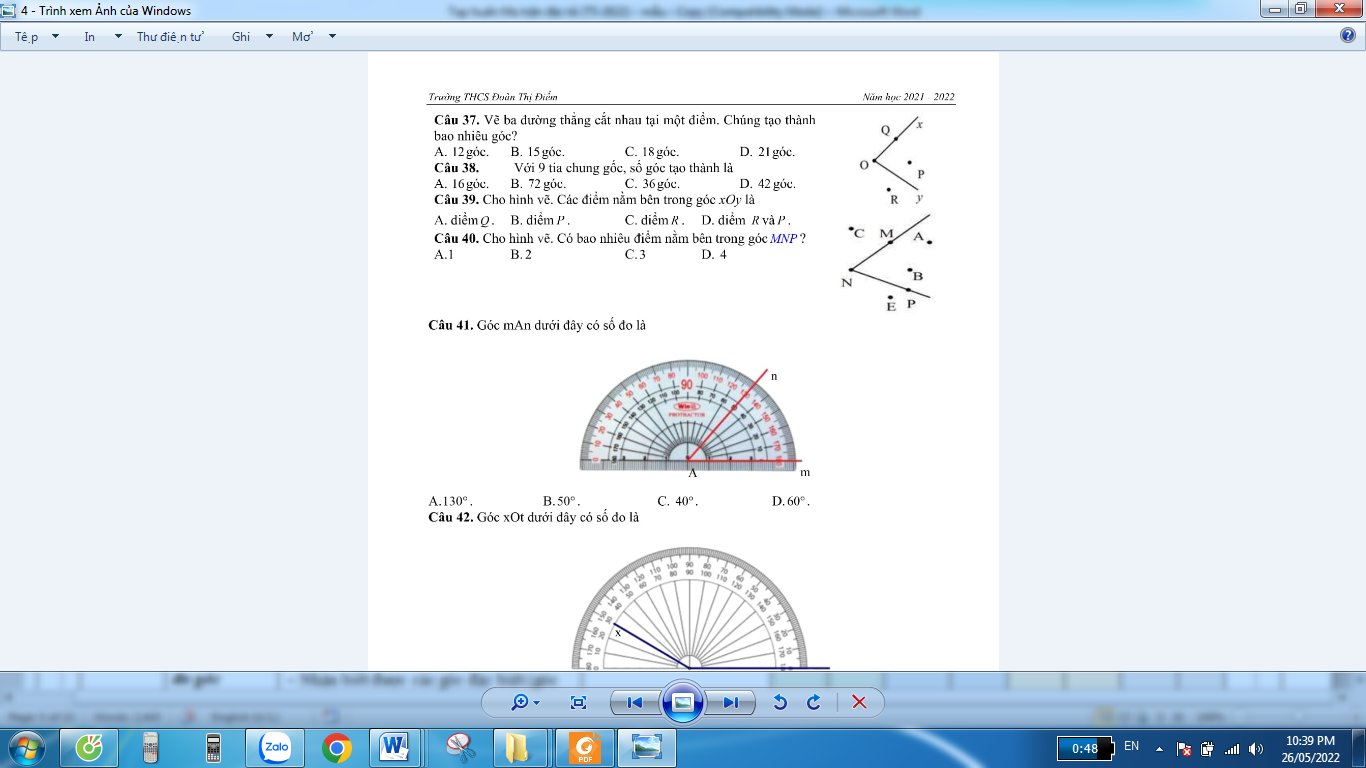
**A.** Bóng đá. **B.** Bóng rổ **C.** Cầu lông. **D.** Bơi lội.

**Câu 11:** Số HS thích bóng đá nhiều hơn số HS thích bóng rổ là:

**A.** 80. **B.** 20. **C.** 60. **D.** 10.

**Câu 12:** Tung đồng xu 32 lần liên tiếp, có 18 lần xuất hiện mặt sấp (S) thì xác suất thực nghiệm xuất hiện mặt sấp là:

**A.** . **B.** . **C.** . **D.** .

**Phần 2: Tự luận ( 7 điểm)**

**Câu 1:***(0,5 điểm)*Tìm phân số đối của phân số

**Câu 2:** *(0,5 điểm)*So sánh và

**Câu 3:** *(0,5 điểm)*Sắp xếp các số sau theo thứ tự từ bé đến lớn : 0 : -8,125; 0,12: -8,9

**Câu 4:** (*0,5 điểm)*Em hãy kể tên các điểm nằm trong góc MNP

**Câu 5: *(****0,5 điểm****)*** Thực hiện phép tính một cách hợp lí



**Câu 6: *(****1,0 điểm****)***  Tìm x, biết

a. x + 8,5 = 21,7 b. 

**Câu 7:** *(2,0 điểm).*Sau đợt kiểm tra sức khỏe răng miệng của các em trong một lớp 6. Thống kê số lần đánh răng trong một ngày của các em được ghi lại ở bảng sau:

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Số lần đánh răng |  |  |  |
| Số học sinh |  |  |  |

a. Tính tổng số học sinh tham gia đánh răng.

b. Hãy tính xác suất thực nghiệm của các sự kiện học sinh thực hiện đánh răng từ hai lần trở lên.

**Câu 8** *(0,5 điểm).* An cùng bạn liệt kê một số loài thực vật để làm bài tập môn Khoa học tự nhiên, được dãy dữ liệu như sau:

Dương xỉ, thông, dừa, rêu, đậu, bưởi, vi khuẩn.

a.Dữ liệu trên có phải số liệu không?

b.Em hãy chỉ ra dữ liệu không hợp lý (nếu có) trong dãy dữ liệu trên.

**Câu 9 *(****1,0 điểm).*Thực hiện phép tính:

